

PHƯƠNG PHÁP SẢN XUẤT GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TƯƠNG ĐỐI CỦA C.MÁC VÀ GỢI MỞ CHÍNH SÁCH NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG Ở VIỆT NAM

★ TS NGUYỄN TUẤN DŨNG

Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

DOI: <https://doi.org/10.70786/LLCT.581.2026.151>

● **Tóm tắt:** Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối là một nội dung cốt lõi trong học thuyết kinh tế chính trị của C.Mác, phản ánh động lực bên trong của quá trình phát triển kinh tế gắn với tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới tổ chức sản xuất và nâng cao năng suất lao động xã hội. Bài viết phân tích nội dung, bản chất và ý nghĩa vận dụng phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối của C.Mác vào nâng cao năng suất lao động ở Việt Nam hiện nay.

● **Từ khóa:** giá trị thặng dư tương đối; năng suất lao động; gợi mở chính sách kinh tế.

Karl Marx's method of producing relative surplus value and policy implications for improving labor productivity in Vietnam

● **Abstract:** The method of producing relative surplus value is a core content in Karl Marx's political economy theory, reflecting the internal driving force of the economic development process associated with scientific and technological progress, production organization innovation, and social labor productivity improvement. The article analyzes the content, nature, and significance of applying Karl Marx's method of producing relative surplus value to improving labor productivity in Vietnam today.

● **Keywords:** relative surplus value; labor productivity; economic policy implications.

1. Mở đầu

Năng suất lao động là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nền kinh tế. Thực tiễn phát triển của các quốc gia cho thấy, nâng cao năng suất lao động là con đường bảo đảm tăng trưởng nhanh, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Đối với Việt Nam, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, yêu cầu nâng cao năng suất lao động không chỉ là vấn đề kinh tế, mà còn là vấn đề quản lý nhà nước, liên quan trực tiếp đến hoạch định và thực thi chính sách phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Trong hệ thống lý luận kinh tế chính trị, C.Mác là người đầu tiên luận giải một cách khoa học và hệ thống vấn đề giá trị thặng dư, qua đó làm rõ nguồn gốc, động lực và quy luật vận động của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Đặc biệt, phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối phản ánh sâu sắc mối quan hệ giữa đổi mới công nghệ, tổ chức sản xuất và nâng cao năng suất lao động. Trong điều kiện hiện nay, khi Việt Nam đang đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, nâng cao năng suất lao động trở thành yêu cầu mang tính chiến lược đối với quản lý và điều hành phát triển quốc gia. Việc nghiên cứu và vận dụng sáng tạo phương pháp này có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng và hoàn thiện chính sách nâng cao năng suất lao động ở Việt Nam.

2. Quan điểm của C.Mác về phương pháp sản xuất giá trị thặng dư và nâng cao năng suất lao động

2.1. Giá trị thặng dư và các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư

Theo C.Mác, để phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ra đời cần có hai điều kiện: (1) Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản; (2) Sự chuyển hóa của sức lao động thành hàng hóa. C.Mác chỉ rõ: “Tiền với tư cách là tiền và tiền với tư cách là tư bản lúc đầu chỉ khác nhau về hình thái lưu thông không giống nhau mà thôi” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2002b, tr.222). Hình thái trực tiếp của lưu thông hàng hóa là $H - T - H$, tức là sự chuyển hóa của hàng hóa thành tiền và sự chuyển hóa ngược lại của tiền thành hàng hóa, tức là bán để mua. Nhưng bên cạnh hình thái đó, chúng ta còn thấy một hình thái nữa đặc biệt khác với hình thái ấy, đó là hình thái $T - H - T$, tức là sự chuyển hóa của tiền thành hàng hóa, và sự chuyển hóa ngược lại của hàng hóa thành tiền, mua để mà bán.

C.Mác khẳng định: “Trong sự vận động của chúng, những đồng tiền nào đi theo vòng lưu thông cuối cùng này đều được chuyển hóa thành tư bản, trở thành tư bản, và do mục đích của chúng cũng đã là tư bản rồi” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2002b, tr.222).

C.Mác chỉ rõ sự thay đổi về hình thái giá trị của tư bản bất biến và tư bản khả biến. Ông kết luận: “Sở dĩ quá trình $T - H - T$ có được cái nội dung của nó thì đó không phải là nhờ sự khác nhau về chất giữa hai cực của nó, vì cả hai đều là tiền, mà chỉ nhờ sự khác nhau về lượng của chúng. Kết quả là người ta rút trong lưu thông ra nhiều tiền hơn là số đã bỏ vào lúc ban đầu... Vì vậy, hình thái đầy đủ của quá trình đó là $T - H - T'$, trong đó $T' = T + \Delta T$, nghĩa là bằng số tiền ứng ra lúc ban đầu cộng với một số tăng thêm nào đó. Số tăng thêm đó, hay số dư so với giá trị lúc ban đầu, tôi gọi là giá trị thặng dư” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2002b, tr.227).

Theo C.Mác, trong nền sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa, giá trị hàng hóa do sức lao động của người công nhân tạo ra. Giá trị của hàng hóa sức lao động được quyết định bởi giá trị các tư liệu sinh hoạt cần thiết để tái tạo sức lao động của người công nhân, chi phí đào tạo nghề để người công nhân có một trình độ tay nghề nhất định và giá trị tư liệu sinh hoạt cần thiết để nuôi sống con cái, gia đình người công nhân. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng, sức lao động không những không mất đi mà còn tạo ra một giá trị mới lớn hơn giá trị của chính họ; phần giá trị dôi ra đó chính là giá trị thặng dư. Chính vì vậy, C.Mác gọi hàng hóa sức lao động là hàng hóa đặc biệt. Tính đặc biệt ở chỗ, quá trình tiêu dùng sức lao động của người công nhân, nó không những không mất đi, mà còn tạo ra một giá trị mới lớn hơn giá trị của bản thân nó.

Trong quá trình nghiên cứu về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, C.Mác chỉ ra hai phương pháp cơ bản để sản xuất giá trị thặng dư: (1) Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối; (2) Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối.

Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là giá trị thặng dư thu được do kéo dài ngày lao động, vượt quá thời gian lao động xã hội cần thiết, trong khi năng suất lao động, giá trị sức lao động và thời gian tất yếu không đổi, do đó thời gian lao động thặng dư tăng lên tương ứng.

Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối không làm thay đổi độ dài ngày lao động mà dựa trên việc rút ngắn thời gian lao động tất yếu thông qua nâng cao năng suất lao động xã hội. C.Mác chỉ rõ: “Trong việc sản xuất ra giá trị thặng dư tương đối, ngay từ đầu, ngày lao động đã chia ra làm hai phần: lao động cần thiết và lao động thặng dư. Nhằm mục đích kéo dài lao động thặng dư, người ta rút ngắn lao động cần thiết bằng những phương pháp cho phép sản xuất ra vật ngang giá với tiền công trong một thời gian ít hơn” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2002b, tr.719).

Việc sản xuất ra giá trị thặng dư tuyệt đối chỉ gắn với độ dài của ngày lao động; còn việc sản xuất ra giá trị thặng dư tương đối thì cách mạng hóa đến tận gốc các quá trình kỹ thuật của lao động cũng như những tập đoàn xã hội.

Ở góc độ khác, C.Mác cho rằng sự khác nhau giữa giá trị thặng dư tuyệt đối và giá trị thặng dư tương đối chỉ là ảo tưởng. Bởi vì, giá trị thặng dư tương đối cũng là tuyệt đối, nó đòi hỏi phải kéo dài tuyệt đối ngày lao động quá số thời gian lao động cần thiết cho sự sinh tồn của bản thân người công nhân. Giá trị thặng dư tuyệt đối cũng là tương đối, bởi nó đòi hỏi phải phát triển

năng suất lao động cho phép giới hạn thời gian lao động cần thiết vào trong một phần của ngày lao động.

2.2. Quan điểm của C.Mác về nâng cao năng suất lao động

a) Năng suất lao động

Theo C.Mác, năng suất lao động là một phạm trù kinh tế phản ánh sức sản xuất và hiệu quả hoạt động của lao động xã hội, được thể hiện qua số lượng sản phẩm hoặc dịch vụ mà một đơn vị lao động tạo ra trong một đơn vị thời gian, hoặc thời gian lao động cần thiết để sản xuất ra một đơn vị sản phẩm trong những điều kiện sản xuất nhất định. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nâng cao năng suất lao động không chỉ nhằm tăng sản lượng và hiệu quả kinh tế, mà còn là quá trình vận dụng đúng đắn và sáng tạo các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư của C.Mác, qua đó phát huy vai trò của người lao động, thành tựu khoa học, công nghệ và tổ chức lao động hợp lý nhằm nâng cao năng suất lao động xã hội.

Phân loại năng suất lao động

Thứ nhất, dựa trên quan hệ giữa lao động cá biệt và lao động xã hội. Theo C.Mác, năng suất lao động cá biệt phản ánh hiệu quả lao động của từng người lao động hoặc từng cơ sở sản xuất cụ thể. Tuy nhiên, giá trị hàng hóa không do năng suất lao động cá biệt quyết định mà do thời gian lao động xã hội cần thiết quyết định. Ông khẳng định: “Thời gian lao động xã hội cần thiết là thời gian lao động đòi hỏi để sản xuất ra một giá trị sử dụng nào đó, trong những điều kiện sản xuất bình thường của xã hội, với một trình độ thành thạo trung bình và một cường độ lao động trung bình trong xã hội đó” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2002b, tr.67). Do đó, khi năng suất lao động cá biệt cao hơn mức xã

hội, người sản xuất có thể thu được giá trị thặng dư siêu ngạch.

Thứ hai, dựa trên trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Năng suất lao động được phân thành năng suất lao động giản đơn và năng suất lao động phức tạp. C.Mác chỉ ra rằng, lao động phức tạp không phải là một loại lao động hoàn toàn khác biệt về chất, mà “chỉ là lao động giản đơn được nâng lên lũy thừa hay nói cho đúng hơn, là lao động giản đơn được nhân lên, thành thử một lượng lao động phức tạp nhỏ hơn thì tương đương với một lượng lao động giản đơn lớn hơn” (C.Mác và Ph.Ăngghen, 2002a, tr.277). Trên cơ sở đó, năng suất lao động phức tạp gắn với trình độ kỹ thuật, tay nghề và máy móc hiện đại tạo ra nhiều giá trị sử dụng hơn trong cùng một đơn vị thời gian so với lao động giản đơn.

Thứ ba, xét trong mối liên hệ với sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối và tương đối. Trong sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối, việc gia tăng năng suất chủ yếu thông qua kéo dài ngày lao động hoặc tăng cường độ lao động. C.Mác chỉ rõ, giá trị thặng dư tuyệt đối được sản xuất bằng cách kéo dài ngày lao động vượt quá thời gian lao động xã hội cần thiết để tái sản xuất sức lao động. Ngược lại, trong sản xuất giá trị thặng dư tương đối, năng suất lao động tăng lên nhờ cải tiến kỹ thuật và tổ chức sản xuất, làm rút ngắn thời gian lao động cần thiết. Như vậy, giá trị thặng dư tương đối nảy sinh từ việc rút ngắn thời gian lao động cần thiết, do sự tăng lên của năng suất lao động xã hội.

Thứ tư, xét theo phạm vi tác động. Năng suất lao động được phân thành năng suất lao động cá nhân và năng suất lao động tập thể. C.Mác nhấn mạnh vai trò của sự kết hợp lao động xã hội khi cho rằng, khi nhiều người lao động cùng nhau một cách có kế hoạch trong

cùng một quá trình sản xuất, thì sức lao động xã hội xuất hiện. Năng suất lao động tập thể vì vậy phản ánh trình độ xã hội hóa của lao động và hiệu quả của tổ chức sản xuất, vượt lên trên tổng năng suất của từng cá nhân riêng lẻ.

b) Nâng cao năng suất lao động

Theo quan điểm của C.Mác, nâng cao năng suất lao động trước hết là kết quả của sự phát triển lực lượng sản xuất, đặc biệt là trình độ kỹ thuật, công nghệ, tổ chức lao động và khoa học. C.Mác chỉ ra rằng, năng suất lao động tăng lên khi thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra một đơn vị hàng hóa được rút ngắn, qua đó làm giảm giá trị hàng hóa sức lao động. Trong chủ nghĩa tư bản, việc nâng cao năng suất lao động chủ yếu gắn với sản xuất giá trị thặng dư tương đối, thông qua đổi mới máy móc, cải tiến quy trình sản xuất và tăng cường phân công, hợp tác lao động. Đồng thời, C.Mác nhấn mạnh vai trò của tri thức xã hội, khoa học và kinh nghiệm tích lũy của người lao động như những lực lượng sản xuất trực tiếp. Tuy nhiên, C.Mác cho rằng, quá trình này luôn diễn ra trong mối quan hệ biện chứng với quan hệ sản xuất, phản ánh tính tất yếu kinh tế lẫn những mâu thuẫn xã hội vốn có của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

c) Vai trò của nâng cao năng suất lao động

Một là, đối với doanh nghiệp. Nâng cao năng suất lao động giúp doanh nghiệp sử dụng hiệu quả các yếu tố đầu vào, qua đó giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường. Đồng thời, tạo điều kiện mở rộng quy mô sản xuất, gia tăng lợi nhuận và khả năng tích lũy, góp phần củng cố vị thế và bảo đảm sự phát triển bền vững của doanh nghiệp trong môi trường cạnh tranh gay gắt.

Hai là, đối với người lao động. Nâng cao năng suất lao động là cơ sở quan trọng để cải

thiện thu nhập, điều kiện làm việc và đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Khi năng suất tăng, người lao động có điều kiện tiếp cận công nghệ mới, nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, từ đó tăng khả năng thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động và phát huy vai trò chủ thể của người lao động trong quá trình sản xuất.

Ba là, đối với nền kinh tế. Nâng cao năng suất lao động là động lực căn bản thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực xã hội và chất lượng tăng trưởng.

d) Các yếu tố ảnh hưởng đến nâng cao năng suất lao động

Một là, trình độ của người lao động. Trình độ học vấn, tay nghề, kỹ năng và ý thức kỷ luật lao động của người lao động là yếu tố trực tiếp quyết định năng suất lao động. Người lao động có trình độ cao sẽ sử dụng hiệu quả hơn máy móc, công nghệ, đồng thời có khả năng sáng tạo, cải tiến quy trình sản xuất, qua đó góp phần nâng cao năng suất lao động.

Hai là, trình độ khoa học và công nghệ. Khoa học và công nghệ giữ vai trò then chốt trong nâng cao năng suất lao động thông qua đổi mới máy móc, thiết bị, công nghệ sản xuất và phương thức tổ chức lao động. Việc ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ hiện đại giúp rút ngắn thời gian lao động cần thiết, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất.

Ba là, yếu tố tổ chức và quản lý. Tổ chức sản xuất và quản lý lao động khoa học góp phần khai thác tối đa tiềm năng của người lao động và các nguồn lực khác. Phân công lao động hợp lý, phối hợp nhịp nhàng giữa các khâu sản xuất, cùng với cơ chế quản lý hiệu quả sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc nâng cao năng suất lao động.

Bốn là, môi trường làm việc. Môi trường làm việc an toàn, thân thiện và bảo đảm điều

kiện lao động phù hợp có tác động tích cực đến sức khỏe, tâm lý và hiệu quả làm việc của người lao động. Việc cải thiện môi trường làm việc góp phần giảm thiểu rủi ro, tăng cường động lực làm việc và qua đó nâng cao năng suất lao động.

Năm là, các yếu tố thuộc môi trường bên ngoài. Các yếu tố như thể chế kinh tế, chính sách của Nhà nước, điều kiện thị trường, mức độ hội nhập kinh tế quốc tế và kết cấu hạ tầng có ảnh hưởng quan trọng đến nâng cao năng suất lao động. Môi trường kinh tế - xã hội ổn định, chính sách phù hợp và hệ thống hạ tầng đồng bộ sẽ tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp và người lao động nâng cao năng suất lao động.

2.3. Thực trạng năng suất lao động ở Việt Nam hiện nay

a) Những kết quả đạt được

Trong những năm qua, năng suất lao động của Việt Nam có bước tăng trưởng rõ rệt. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2024 theo giá hiện hành ước đạt 221,9 triệu đồng/lao động (tương đương 9.182 USD/lao động, tăng 726 USD so với năm 2023); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 5,88% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2024 ước đạt 28,3%, cao hơn 1,1 điểm phần trăm so với năm 2023) (Cục Thống kê, 2024). Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2025 theo giá hiện hành ước đạt 245,0 triệu đồng/lao động (tương đương 9.809 USD/lao động, tăng 626 USD so với năm 2024); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 6,83%; trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2025 ước đạt 29,2%, cao hơn 0,8 điểm phần trăm so với năm 2024), tăng

trường kinh tế đạt khá, quy mô nền kinh tế được mở rộng (Cục Thống kê, 2025).

Điều này phản ánh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực và chuyển dịch cơ cấu kinh tế khi tỷ trọng lao động trong các ngành công nghiệp và dịch vụ có xu hướng tăng lên, góp phần nâng cao giá trị tạo ra trên mỗi lao động. Đại hội XIV của Đảng xác định: “Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân cho giai đoạn 2026 - 2030 từ 10%/năm trở lên; GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 8.500 USD/năm; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 28% GDP; tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt trên 55%. Tốc độ tăng năng suất lao động đạt khoảng 8,5%/năm. Giảm tiêu hao năng lượng tính trên đơn vị GDP ở mức 1-1,5%/năm” (ĐCSVN, 2026, tr.25).

b) Những hạn chế chủ yếu và nguyên nhân

Mặc dù có tăng trưởng, song năng suất lao động của Việt Nam vẫn còn thấp so với nhiều quốc gia trong khu vực và mục tiêu đặt ra. Theo đánh giá trên cơ sở tính theo sức mua tương đương (PPP), năng suất lao động của Việt Nam chỉ đạt 11,4% so với Xinghapo, thấp hơn đáng kể so với các nền kinh tế tiên tiến trong ASEAN và các nước phát triển khác. Đại hội XIV của Đảng đánh giá: “Tăng trưởng kinh tế

vẫn dưới mức tiềm năng, chưa đạt mục tiêu đề ra. Năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; tốc độ tăng năng suất lao động bình quân 5 năm đạt 5,3%, thấp hơn mục tiêu đề ra, hệ số sử dụng vốn (ICOR) vẫn còn cao (6,4)” (ĐCSVN, 2026, tr.64-65).

Những hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, trong đó nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ trình độ phát triển khoa học - công nghệ và mức độ đổi mới sáng tạo còn hạn chế. Phần lớn doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, chưa chủ động đầu tư đổi mới công nghệ, chuyển đổi số còn chậm, dẫn đến năng lực sản xuất và khả năng tham gia vào các chuỗi giá trị có hàm lượng giá trị gia tăng cao còn thấp.

Đại hội XIV của Đảng chỉ rõ: “Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế còn chậm. Năng lực, trình độ công nghệ còn yếu, thiếu những ngành công nghiệp nền tảng, công nghệ chiến lược làm nòng cốt thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa trở thành động lực chính cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển đất nước. Kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, còn yếu, thiếu và chưa theo kịp yêu cầu. Việc khơi thông, huy động và phân bổ nguồn lực phát triển còn hạn chế” (ĐCSVN, 2026, tr.65).

Công tác quản lý nhà nước về năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất chưa đồng bộ và thiếu tính liên kết. Hệ thống chính sách chưa đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp đổi mới

Đại hội XIV của Đảng xác định: “Phần đầu đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân cho giai đoạn 2026 - 2030 từ 10%/năm trở lên; GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt khoảng 8500 USD/năm; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 28% GDP; tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt trên 55%. Tốc độ tăng năng suất lao động đạt khoảng 8,5%/năm.

sáng tạo, cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương còn phân tán, dẫn đến việc triển khai các chương trình, đề án nâng cao năng suất chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng. Đặc biệt, nhận thức của một bộ phận doanh nghiệp và người lao động về vai trò của năng suất lao động chưa đầy đủ; chưa coi đây là yếu tố sống còn trong cạnh tranh và phát triển, từ đó thiếu động lực và giải pháp căn cơ để cải thiện năng suất trong dài hạn.

c) Những vấn đề đặt ra trong nâng cao năng suất lao động ở Việt Nam hiện nay

Thực trạng năng suất lao động hiện nay đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đổi mới tư duy và phương thức quản lý nhà nước theo hướng lấy nâng cao năng suất lao động làm mục tiêu và động lực trung tâm của phát triển. Theo đó, quản lý nhà nước cần chuyển mạnh từ cách tiếp cận hành chính sang kiến tạo phát triển, tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, tạo môi trường pháp lý ổn định, minh bạch và thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, Nhà nước cần tăng cường định hướng, hỗ trợ và dẫn dắt quá trình đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học - công nghệ và chuyển đổi số gắn với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Việc khắc phục tình trạng phân tán, thiếu đồng bộ trong quản lý nhà nước về năng suất, chất lượng và hiệu quả cũng trở thành yêu cầu cấp bách nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành. Qua đó, quản lý nhà nước không chỉ dừng lại ở ban hành chính sách mà còn đóng vai trò điều phối, kết nối và phát huy hiệu quả các nguồn lực xã hội, tạo nền tảng cho tăng trưởng năng suất lao động nhanh và bền vững.

2.4. Gọi mở chính sách nâng cao năng suất lao động ở Việt Nam từ phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối

Một là, hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về năng suất lao động

Yêu cầu về nâng cao năng suất lao động trước hết đòi hỏi Nhà nước phải hoàn thiện thể chế kinh tế và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước theo hướng lấy năng suất lao động làm trọng tâm. Xây dựng hệ thống chính sách, pháp luật về năng suất lao động một cách đồng bộ, thống nhất, gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn. Nhà nước cần xác định rõ vai trò điều phối, dẫn dắt và giám sát trong việc triển khai các chương trình nâng cao năng suất, khắc phục tình trạng chông chéo, phân tán trong quản lý giữa các ngành, các cấp.

Hai là, thúc đẩy đổi mới kỹ thuật, công nghệ và chuyển đổi số

Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối đã chỉ ra, nâng cao năng suất lao động chủ yếu được thực hiện thông qua rút ngắn thời gian lao động cần thiết nhờ đổi mới kỹ thuật và công nghệ. Do đó, cần tập trung thúc đẩy ứng dụng khoa học - công nghệ, tự động hóa và chuyển đổi số trong doanh nghiệp và toàn nền kinh tế. Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo, đồng thời có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, làm chủ công nghệ tiên tiến, qua đó nâng cao năng suất lao động xã hội.

Ba là, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

Nâng cao năng suất lao động không thể tách rời việc nâng cao chất lượng sức lao động, yếu tố trung tâm của lực lượng sản xuất. Trên cơ sở đó, Nhà nước cần đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng gắn với nhu cầu của thị trường lao động, yêu cầu của nền kinh tế số. Cần chú trọng phát triển kỹ năng nghề, kỹ năng số và năng lực đổi mới sáng tạo cho người lao động, đồng

thời đẩy mạnh đào tạo lại và đào tạo thường xuyên nhằm giúp người lao động thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và tổ chức sản xuất.

Bốn là, đổi mới tổ chức sản xuất và quản trị doanh nghiệp

Từ góc độ phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối, việc đổi mới tổ chức sản xuất và quản trị doanh nghiệp có ý nghĩa trực tiếp trong việc rút ngắn thời gian lao động tất yếu và nâng cao năng suất lao động. Nhà nước cần khuyến khích doanh nghiệp áp dụng các mô hình quản trị hiện đại, tinh gọn, quản trị theo chuỗi giá trị và tiêu chuẩn quốc tế; đồng thời thúc đẩy cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao hiệu quả phân công và hiệp tác lao động. Đây là cơ sở quan trọng để nâng cao năng suất lao động cá biệt, từ đó nâng cao năng suất lao động xã hội.

Năm là, gắn nâng cao năng suất lao động với tiến bộ và công bằng xã hội, tạo động lực tinh thần người lao động

Nâng cao năng suất lao động chỉ thực sự bền vững khi gắn liền với việc bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của người lao động. Do đó, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội theo hướng phân phối hợp lý thành quả tăng năng suất lao động. Việc bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động không chỉ tạo động lực làm việc, mà còn củng cố sự đồng thuận xã hội, qua đó góp phần hiện thực hóa mục tiêu nâng cao năng suất lao động gắn với phát triển nhanh và bền vững.

3. Kết luận

Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối của C.Mác đã cung cấp cơ sở lý luận khoa học quan trọng để nhận thức đầy đủ và sâu sắc vai trò của năng suất lao động trong tăng

trưởng và phát triển kinh tế. Trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, việc vận dụng sáng tạo phương pháp này vào hoạch định và thực thi chính sách quản lý nhà nước về nâng cao năng suất lao động có ý nghĩa thiết thực cả về lý luận và thực tiễn. Nâng cao năng suất lao động cần được xem là mục tiêu trung tâm và động lực then chốt của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Theo đó, đổi mới khoa học - công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, cải tiến tổ chức sản xuất và hoàn thiện thể chế quản lý nhà nước phải được triển khai đồng bộ và nhất quán. Sự kết hợp hài hòa giữa tăng năng suất lao động với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội sẽ tạo nền tảng vững chắc cho phát triển nhanh và bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới □

Ngày nhận bài: 28/4/2026;

Ngày bình duyệt: 04/6/2026;

Ngày quyết định đăng: 22/7/2026.

Email tác giả: nguyentuantungk5hvct@gmail.com

Tài liệu tham khảo:

C.Mác và Ph.Ăngghen (2002a). *Toàn tập (Tập 20)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

C.Mác và Ph.Ăngghen (2002b). *Toàn tập (Tập 23)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.

Cục Thống kê (2024). Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2024. *Trang thông tin điện tử Cục Thống kê*. <https://www.nso.gov.vn>.

Cục Thống kê (2025). Thông cáo báo chí tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2025. *Trang thông tin điện tử Cục Thống kê*. <https://www.nso.gov.vn>.

ĐCSVN (2026). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV (Tập I)*. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật.